

Bản án số: 14/2022/DS-PT

Ngày: 22/3/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng thế chấp tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Lê Văn Quang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 117/2021/DSPT ngày 30/11/2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ nơi có trụ sở chính: Số 266-268 đường N, phường 8, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức Thạch D ủy quyền lại cho ông Hoàng Văn Th – Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh B kiêm Trưởng phòng giao dịch L (Theo giấy ủy quyền số 3979/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020).

Ông Hoàng Văn Th ủy quyền lại cho ông Lê Đức Th1, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số 159, đường N, phường A, thị xã L, tỉnh Bình Phước (Theo Quyết định ủy quyền số 345/2021/QĐ-PGD-BL ngày 07/9/2021).

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1977.

Trú tại địa chỉ: Tổ 8a, khu phố T, phường T, Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (Địa chỉ cũ: Tổ 10, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ nơi có trụ sở: Trung tâm hành chính huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Ngọc Đ - Chi cục trưởng.

Người đại diện ủy quyền của ông Đỗ Ngọc Đ: Ông Nguyễn Dư H1 - Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: Bị đơn Bà Trần Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 18/01/2018, Ngân hàng TMCP S (Chi nhánh phòng giao dịch thị xã L, tỉnh Bình Phước) (Sau đây viết tắt là: Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng số: LD1801800696 với Bà Trần Thị Ngọc H, cho bà H vay số tiền 450.000.000 đồng, để đảm bảo cho khoản vay bà H đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số công chứng 00341, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/01/2018 thế chấp cho Ngân hàng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 45, diện tích 611,4m² tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Thời hạn vay là 12 tháng (Từ ngày 18/01/2018 đến ngày 18/01/2019), lãi suất 0.95%/tháng đối với 03 tháng đầu, từ tháng thứ 4 trở sau cộng thêm biên độ 0,39%/tháng, hình thức trả lãi hàng tháng theo dư nợ, vốn gốc trả cuối kỳ.

Bà Trần Thị Ngọc H đã thanh toán cho Ngân hàng 11 tháng tiền lãi (Từ ngày 18/01/2018 đến ngày 18/12/2018). Tiền gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thêm từ ngày 18/12/2018 bà H chưa trả cho Ngân hàng.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H đã hòa giải thành và ra Quyết định công nhận sự tự nguyện của các đương sự số 36/QĐ-DSST ngày 06/11/2019 theo đó bà H đồng ý trả số tiền gốc và lãi là 486.009.251 đồng.

Sau đó, bà H không tự nguyện thi hành án trả nợ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng đã yêu cầu Chi cục Thi hành án huyện H phát mãi tài sản thế chấp của bà H để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ngày 13/7/2020 Chi cục Thi hành án đã bán đấu giá tài sản thế chấp là thửa đất số 54, tờ bản đồ số 45, diện tích 611,4m² tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước của bà H được 497.010.893 đồng. Sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến thi hành án, Chi cục thi hành án đã chi trả cho ngân hàng số tiền 456.790.708 đồng (Trong đó 450.000.000 đồng và 6.790.708 đồng tiền lãi). Do số tiền Chi Cục Thi hành án dân sự bán tài sản của bà H không đủ để thi hành án, nên số tiền lãi bà H còn nợ lại Ngân hàng là: 114.516.904 đồng.

Sau khi Chi Cục Thi hành án dân sự bán tài sản của bà H, bà H đã có đơn khiếu nại đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự tự nguyện của các đương sự số 36/QĐ-DSST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định giám đốc thẩm số: 138/2021/GĐT-DS hủy Quyết định công nhận sự tự nguyện của các đương sự số 36/QĐ-DSST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại.

Hiện nay, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu và yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Số tiền gốc bà H vay của Ngân hàng là 450.000.000đồng, Ngân hàng đã được Chi cục Thi hành án bán tài sản thế chấp của bà H chi trả xong cho Ngân hàng.

* Lãi suất trong hạn được tính:

- Từ ngày 18/01/2018 (ngày vay) đến ngày 18/12/2018 (Ngày bà H thanh toán lãi): $450.000.000 \text{ đồng tiền gốc} \times 11 \text{ tháng} \times 0.95\%/\text{tháng} = 47.445.000 \text{ đồng}$ (Số tiền lãi này bà H đã thanh toán cho ngân hàng nên không tính nữa).

- Từ ngày 18/12/2018 đến ngày 19/01/2019: $450.000.000 \text{ đồng tiền gốc} \times 32 \text{ ngày} \times 0.95\%/\text{tháng} = 5.237.941 \text{ đồng}$.

* Lãi suất quá hạn được tính $(0,95/\text{tháng} + 0,39\%/\text{tháng (Biên độ)}) \times 150\%$:

- Từ ngày 19/01/2019 đến ngày 06/11/2019 (Ngày Tòa án ban hành Quyết định Công nhận sự tự nguyện của các đương sự số 36/QĐ-DSST): $450.000.000 \text{ đồng tiền gốc} \times 292 \text{ ngày} \times 11.58/\text{năm} \times 150\% = 62.532.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 06/11/2019 (Ngày Tòa án ban hành Quyết định Công nhận sự tự nguyện của các đương sự số 36/QĐ-DSST) đến ngày 13/7/2020 (Ngày Chi cục Thi hành án bán tài sản thế chấp): $450.000.000 \text{ đồng tiền gốc} \times 250 \text{ ngày} \times 11.58/\text{năm} \times 150\% = 53.537.671 \text{ đồng}$.

* Lãi suất phát sinh từ này Chi cục Thi hành án bán tài sản thế chấp (Ngày 13/7/2020) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm lần thứ 02 (Ngày 21/9/2021), do Ngân hàng đã được Thi hành án chi trả 450.000.000đồng tiền gốc bà H vay nên không phát sinh lãi suất.

Tổng cộng tiền lãi là: 168.752.612 đồng được trừ 47.445.000 đồng lãi suất trong hạn bà H đã thanh toán và 6.790.708 đồng tiền lãi suất Chi cục Thi hành án bán tài sản đã chi trả cho Ngân hàng. Còn lại 114.516.904 đồng tiền lãi bà H còn phải thanh toán cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà H phải tiếp tục trả cho Ngân hàng là số tiền lãi suất còn lại là 114.516.904 đồng.

Bị đơn Bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Ngày 18/01/2018, bà H và Ngân hàng TMCP S ký Hợp đồng tín dụng số: LD1801800696, cho bà H vay số tiền 450.000.000 đồng, để đảm bảo cho khoản vay này bà H đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số công chứng 00341, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/01/2018 thế chấp cho Ngân hàng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 45, diện tích 611,4m² tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Thời hạn vay là 12 tháng (Từ ngày 18/01/2018 đến ngày 18/01/2019), lãi suất 0.95%/tháng, hình thức trả lãi hàng tháng theo dư nợ, vốn gốc trả cuối kỳ. Bà H đã thanh toán cho Ngân hàng 11 tháng tiền lãi (Từ ngày 18/01/2018 đến ngày 18/12/2018). Tiền gốc 450.000.000đồng và tiền lãi phát sinh thêm từ 18/12/2018 bà H chưa trả cho Ngân hàng.

Bà H đồng ý trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ ngày 19/12/2018 đến nay cho Ngân hàng. Do tài sản của bà H bị Chi cục Thi hành án dân sự bán rẻ quá nên bà H đề nghị Tòa án phải hủy kết quả bán đấu giá của Chi cục thi hành án huyện H, giao lại tài sản bà H thế chấp cho Ngân hàng là thửa đất số 54, tờ bản đồ số 45, diện tích 611,4m² tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước lại cho bà H, để bà H tự bán thì sẽ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, còn bây giờ bà H không đồng ý vì bà không có tiền để trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Chi cục thi hành án dân sự huyện H trình bày:

Căn cứ Quyết định công nhận sự tự nguyện của các đương sự số 36/QĐ-DSST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H thì Bà Trần Thị Ngọc H có nghĩa vụ thi hành án

cho Ngân hàng TMCP S - Phòng giao dịch L với số tiền 486.009.251 đồng. Ngày 12/11/2019 Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án Quyết định công nhận sự tự nguyện của các đương sự số 36/QĐ-DSST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H. Căn cứ đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H ban hành Quyết định số 71/QĐ-CCTHADS ngày 13/11/2019 và tổ chức thi hành các khoản trên. Quá trình tổ chức thi hành án, thi hành triệu tập bà H, bà H không hợp tác làm việc.

Số tiền bán tài sản thế chấp của bà H được 497.010.893 đồng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đã chi trả các khoản sau:

Chi phí cưỡng chế kê biên tài sản: 4.050.000 đồng; Chi phí thẩm định giá tài sản: 8.800.000 đồng; Chi phí đấu giá tài sản: 11.620.000 đồng; Chi phí cưỡng chế giao tài sản: 4.030.000 đồng; Chi nộp án phí dân sự sơ thẩm: 11.720.000 đồng; Chi trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền: 456.790.708 đồng (Trong đó có 450.000.000 đồng tiền gốc và 6.790.708 đồng tiền lãi), không thanh toán đủ số nợ lãi của bà H cho Ngân hàng.

Việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện H tổ chức thi hành án và bán đấu giá tài sản đảm bảo của bà H là đúng theo trình tự của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Thương Tín.

1. Tuyên, Hợp đồng tín dụng số: LD1801800696 ngày 18/01/2018 giữa Ngân hàng TMCP S với Bà Trần Thị Ngọc H có hiệu lực pháp luật.

2. Tuyên, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số công chứng 00341, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/01/2018, giữa Bà Trần Thị Ngọc H và Ngân hàng TMCP S có hiệu lực pháp luật.

3. Buộc Bà Trần Thị Ngọc H phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 114.516.904 đồng (Một trăm mười bốn triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng) tiền lãi suất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2021, bị đơn Bà Trần Thị Ngọc H có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tuyên hủy kết quả bán đấu giá tài sản, giao lại tài sản thế chấp là thửa đất số 54, tờ bản đồ số 45, diện tích 611,4m², tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cho bà H, bà H sẽ tự bán tài sản để trả gốc và lãi cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn Bà Trần Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy kết quả bán đấu giá tài sản, giao lại tài sản thế chấp là thửa đất số 54, tờ bản đồ số 45, diện tích 611,4m², tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước giao tài sản thế chấp cho bà H. Bà H bổ sung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc ông Nguyễn Dur H1 bồi thường cho bà H số tiền 500 triệu đồng là tài sản trên đất bán đấu giá nhưng ông H1 không kê khai dẫn đến thiệt hại cho bà H. Bà H cũng đề nghị phía Ngân hàng xem xét không tiếp tục tính lãi từ sau ngày xét xử sơ thẩm lần 2 (ngày 21/9/2021) do hoàn cảnh bà khó khăn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Trần Thị Ngọc H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thấy rằng:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của Bà Trần Thị Ngọc H làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của BLTTDS nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà H về việc đề nghị Tòa án xem xét hủy kết quả bán đấu giá của Chi cục thi hành án huyện H, giao lại tài sản thế chấp là thửa đất số 54, tờ bản đồ số 45, diện tích 611,4m² tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cho bà H, để bà H tự bán để trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thấy rằng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 102 của Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì quy định chỉ có người mua được tài sản bán đấu giá, Chấp hành viên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản, nếu có căn cứ chứng minh có vi phạm trong quá trình bán đấu giá tài sản. Bà H là người có tài sản bị kê biên không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy kết quả bán đấu giá do cơ quan Thi hành án bán tài sản thế chấp để thi hành án. Trường hợp bà H không đồng ý với kết quả bán đấu giá tài sản thì bà H có quyền khiếu nại theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ. Nên kháng cáo của bà H không có cơ sở chấp nhận.

[2.1] Đối với kháng cáo của bà H về việc yêu cầu ông buộc ông Nguyễn Dư H1 bồi thường cho bà H số tiền 500 triệu đồng là tài sản trên đất: Theo quy định tại Điều 270 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì phạm vi xét xử phúc thẩm là xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà H chưa có đơn khởi kiện ông H1 yêu cầu phải bồi thường thiệt hại số tiền 500 triệu giá trị tài sản trên đất nêu trên. Hơn nữa, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước cũng không giải quyết đối với yêu cầu trên của bà H. Vì vậy, yêu cầu trên của bà H không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm.

[2.2] Xét yêu cầu của bà H về việc đề nghị phía Ngân hàng xem xét không tiếp tục tính lãi từ sau ngày xét xử sơ thẩm lần 2 - ngày 21/9/2021 thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bà H không có đơn phản tố hay ý kiến gì đối với khoản nợ của Ngân hàng nên như đã phân tích tại mục [2.1] thì yêu cầu của bà H không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Mặt khác, tại phiên tòa người đại diện của Ngân hàng là ông Hoàng Văn Th trình bày yêu cầu trên của bà H thì ông Th không tự quyết định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét yêu cầu của bà H.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của bà H là không có căn cứ nên

không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hoa phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Trần Thị Ngọc H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

[2] Áp dụng các Điều 116, 119, 299, 317, 318, 319, 321, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Thương Tín.

- Tuyên, Hợp đồng tín dụng số: LD1801800696 ngày 18/01/2018 giữa Ngân hàng TMCP S với Bà Trần Thị Ngọc H có hiệu lực pháp luật.

- Tuyên, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số công chứng 00341, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/01/2018, giữa Bà Trần Thị Ngọc H và Ngân hàng TMCP S có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Bà Trần Thị Ngọc H phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 114.516.904 đồng (Một trăm mười bốn triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng) tiền lãi suất.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu số tiền 15.132.000đồng (Mười lăm triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (Theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 023775 ngày 16/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013525 ngày 11/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

4. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Hùng